TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày 06-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng.

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Tài Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2023/TLPT-HN&GĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*,

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; địa chỉ: Thôn 03, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt.*

- Bị đơn: Anh Mai Văn T; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

Người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Quốc A, là Luật sư của Công ty Luật HA và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Đường 23/3, tổ 01, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – *Có mặt.*

- Người kháng cáo: Bị đơn anh Mai Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị và anh Mai Văn T đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên đã ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Mai Văn Quốc H1 (*sinh ngày 04-11-2017*) và cháu Mai Văn Huy H2 (*sinh ngày 09-10-2019*). Sau khi anh chị ly thân thì các con sống với anh T. Chị có nguyện vọng được nuôi cháu H2, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu H2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Mai Văn T trình bày:

Anh và chị H đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa chị H và mẹ anh phát sinh nhiều mâu thuẫn, còn anh và chị H không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ ngày 05-01-2022 (*âm lịch*), tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Mai Văn Quốc H1 (*sinh ngày 04-11-2017*) và cháu Mai Văn Huy H2 (*sinh ngày 09-10-2019*). Sau khi ly thân anh là người trực tiếp nuôi con chung, chị H không thăm nom, chăm sóc con nên anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ-ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T.

- Về con chung: Giao con chung là cháu H1 (sinh ngày 04-11-2017) cho anh T; giao con chung là cháu H2 (sinh ngày 09-10-2019) cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T và chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13-7-2022, bị đơn anh Mai Văn T kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu H2 (*sinh ngày 09-10-2019*) cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Sau khi xét xử sơ thẩm, anh T đã được bố mẹ tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương nên có đủ điều kiện để nuôi con. Chị H đã tự ý bỏ đi từ khi con còn nhỏ, không quan tâm đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cháu H2 được anh T nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều

kiện tốt và đã quen với điều kiện, môi trường sống đó nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tinh thần của Án lệ số: 54/2022/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 07-9-2022 để chấp nhận kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu H2 (*sinh ngày 09-10-2019*) cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông:

- Về tố tụng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Mai Văn T nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định.

[2]. Xét nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu kháng cáo:

[2.1]. Anh T và chị H có 02 con chung là cháu Mai Văn Quốc H1 (*sinh ngày 04-11-2017*) và cháu Mai Văn Huy H2 (*sinh ngày 09-10-2019*). Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H2, giao cháu H1 cho anh T nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, anh T và chị H đều cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh chị đảm bảo điều kiện nuôi con theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù hiện tại anh T chứng minh có điều kiện kinh tế tốt hơn nhưng anh T và chị H có hai con chung và chị H có nguyện vọng nuôi con. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh chị H không có đủ điều kiện nuôi con nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, giao cháu H1 cho anh T; giao cháu H2 cho chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp và có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét quan điểm đề nghị của người bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.3]. Từ những vấn đề phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Mai Văn T, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2023/HNGĐ-ST ngày 04-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông về phần con chung.

Giao con chung là cháu Mai Văn Quốc H1 (*sinh ngày 04-11-2017*) cho anh Mai Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi; giao con chung là cháu Mai Văn Huy H2 (*sinh ngày 09-10-2019*) cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Không buộc anh Mai Văn T và chị Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Anh Mai Văn T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số X ngày 14-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS, THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng